

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1209/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

2. Ông Huỳnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 576/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T (vắng mặt)

Thường trú: xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

Tạm trú: S ấp T, xã Th, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Th (vắng mặt)

Thường trú: xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

Tạm trú: S ấp T, xã Th, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/5/2003. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc. Từ năm 2014, giữa bà T và ông Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th thường xuyên đi qua đêm không về nhà, không quan tâm đến vợ con, không tu chí làm ăn. Khi về nhà, ông Th thường không vui, hay la mắng vợ con. Bà T đã cố gắng hàn gắn

gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả, ông Th vẫn không sửa đổi khiến cho không khí gia đình trở nên căng thẳng, ngột ngạt. Nay bà T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/12/2003 và Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh ngày 25/12/2009. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N và trẻ Y, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Th vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 08/5/2003 do UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông Th vẫn không đến Tòa án cung cấp lời khai, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau. Theo như lời khai của bà T thì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ năm 2014 và đến nay bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Th. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy đời sống chung vợ chồng của bà T và ông Th đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Th.

[6] Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/12/2003 và Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh ngày 25/12/2009. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu Y, cháu N thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2018 cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà T chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Th.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim N (sinh ngày 08/12/2003) và Nguyễn Ngọc Kim Y (sinh ngày 25/12/2009) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Th cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000(ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0018570 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Thái Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam